

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ – LỚP 7
TUẦN 16 (TỪ 20/12/2021 ĐẾN 25/12/2021)

1. MÔN NGỮ VĂN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 1:

CÁC BÀI THƠ TRUNG ĐẠI TRUNG QUỐC.

1. CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

- Lí Bạch –

***Đọc, tìm hiểu chú thích.**

***Đọc, tìm hiểu văn bản.**

-**Nội dung:** Bài thơ thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh.

-**Nghệ thuật:** Từ ngữ giản dị, tinh luyện.

2. BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ

- Đỗ Phủ –

***Đọc, tìm hiểu chú thích.**

***Đọc, tìm hiểu văn bản.**

-**Nghệ thuật:** Bài thơ kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm

-**Nội dung:** Nỗi khổ của người nhà thơ và tình cảm nhân đạo của tác giả

3. XA NGẮM THÁC NÚI LƯ

- Lí Bạch –

***Đọc, tìm hiểu chú thích.**

***Đọc, tìm hiểu văn bản.**

+**Nội dung:** Bài thơ miêu tả cảnh đẹp của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô thuộc dãy núi Lư, qua đó thấy được tình yêu thiên nhiên của nhà thơ.

+**Nghệ thuật:** Hình ảnh tráng lệ, ngôn ngữ sinh động

4. NGÃU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỔI MỚI VỀ QUÊ

- Hạ Tri Chương –

***Đọc, tìm hiểu chú thích.**

***Đọc, tìm hiểu văn bản.**

-**Nghệ thuật:** Hình ảnh chân thực, từ trái nghĩa.

-**Nội dung:** Bài thơ thể hiện một cách chân thực mà sâu sắc, hóm hỉnh mà ngậm ngùi tình yêu quê hương thấm thiết của một người sống xa quê lâu ngày, trong khoảnh khắc vừa mới đặt chân trở về quê cũ.

5. BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ

-- Đỗ Phủ –

***Đọc, tìm hiểu chú thích.**

***Đọc, tìm hiểu văn bản.**

-**Nghệ thuật:** Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt

-Nội dung: Bài thơ thể hiện một cách sinh động nỗi khổ của tác giả vì căn nhà tranh bị gió thu phá nát. Điều đáng quý hơn là, vượt lên trên bất hạnh cá nhân, nhà thơ đã bộc lộ khát vọng cao cả: ước ao có được ngôi nhà vững chắc ngàn vạn gian để che chở cho tất cả mọi người nghèo trong thiên hạ.

TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT

I. Luật thơ lục bát

- Tiếng trắc: / ~ . ? T
- Tiếng bằng: - \ B
- Vần: V

1/ Số câu:

- Một câu lục, một câu bát
- Số câu ko hạn định

2/ Số tiếng: một dòng 6, một dòng 8

3/ Luật bằng trắc

4/ Nhịp :

- Nhịp 2/ 2/ 2 - 4/4.

***Ghi nhớ:** sgk/156

CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ

1. Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả.
 2. Sử dụng từ đúng nghĩa
 3. Sử dụng từ đúng tính chất ngữ pháp của từ.
 4. Không lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt.
 5. Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp phong cách.
- ***Ghi nhớ** (SGK/167)

Tiết 2:

MÙA XUÂN CỦA TÔI

I. Đọc – hiểu chú thích

(SGK/173-177)

1. Tác giả

2. Tác phẩm

a. Thể loại: tùy bút.

b. Xuất xứ:

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình cảm của con người đối với mùa xuân

- Ai cũng chuộng mùa xuân...
- tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng triu mến...

-> **Từ ngữ giản dị.**

=> **Tình cảm chân thành.**

2. Cảnh sắc và không khí mùa xuân trong tháng giêng ở Hà Nội

a. Hình ảnh mùa xuân tháng giêng

- Mưa riêu riêu, gió lành lạnh...
- Tiếng nện, tiếng trống chèo, tiếng hát...
- Cái rét ngọt ngào...

=> **Mùa xuân hiện về trong hồi ức, lung linh, huyền ảo.**

b. Sức sống của thiên nhiên và con người

- Nhựa sống căng lên như...

- Tim người...như trẻ hơn...
- ...thèm khát yêu thương...

-> **Từ láy, so sánh, nhân hóa.**

=> **Sức sống mạnh mẽ, bất tận.**

3. Cảnh sắc riêng của đất trời mùa xuân sau rằm tháng giêng.

- Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong....
- Cỏ nức mùi hương...
- Mưa phùn...
-

-> **Chi tiết tiêu biểu, đặc sắc, sự cảm nhận tinh tế.**

=> **Cảnh sắc thay đổi, chuyển biến.**

III. Ghi nhớ (SGK/ 178)

SÀI GÒN TÔI YÊU

-Minh Hương-

I. Đọc – hiểu chú thích

II. Đọc – hiểu văn bản

1/ Nội dung:

SG là tp trẻ trung, năng động có nét hấp dẫn riêng về thiên nhiên và khí hậu, người SG có phẩm chất cởi mở...

2/ Nghệ thuật:

- Cảm nhận tinh tế.

MỘT THỨ QUÁ CỦA LÚA NON : CỒM

-Thạch Lam-

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Tác giả: (SGK/161)

2. Tác phẩm:(SGK/161)

- Thể loại: Tùy bút
- HCST: rút từ tập *Hà Nội băm sáu phố phường* (1943)

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Sự hình thành hạt cốm

- ...Khi đi qua cánh đồng..ngửi thấy mùi thơm mát của bông lúa non...có một giọt sữa trắng thơm...giọt sữa dần dần đông lại...
- Một loạt cách chế biến...làm ra thứ cốm dẻo và thơm...

-> **Từ ngữ chọn lọc, tinh tế.**

=> **Cốm là thứ quà đặc biệt của lúa non, của bàn tay khéo léo.**

2. Giá trị đặc sắc của cốm

- Cốm là thức quà...của đồng quê nội cỏ.
- Làm quà sêu Tết.

=>**Cốm bình dị, khiêm nhường-một sản phẩm văn hóa gắn liền với phong tục tập quán của Việt Nam.**

3. Sự thưởng thức cốm

- Ăn từng chút ít, thong thả mà ngẫm nghĩ...thu được mùi thơm phức của lúa mới.
- ...hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve...cái lộc của Trời, cái khéo léo của người...

=>**Thưởng thức cốm là một nét văn hóa ẩm thực**

III. Ghi nhớ (SGK/ 163)

B. LUYỆN TẬP:

-Tập làm 1 bài thơ lục bát

-Viết đoạn văn 8->10 câu, cảm nghĩ về con người, thành phố HCM sau khi đọc văn bản “Sài Gòn tôi yêu”.

DẶN DỒ:

-Luyện tập biểu cảm về một tác phẩm văn học của tuần 15 tiếp theo.

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HKI VĂN 7 (2021-2022)

*Giới hạn chương trình: từ tuần 1 đến tuần 14

Phần 1: Văn bản

Kỹ năng đọc hiểu văn bản: xác định PTBD, nội dung, ý nghĩa, chi tiết, liên hệ...

Phần 2: Tiếng Việt

Nắm kiến thức các bài TV:

+ Đại từ

+ Quan hệ từ

+ Thành ngữ

+ Điệp ngữ.

.....

Phần 3: TLV

Biểu cảm tác phẩm thơ hiện đại (Rằm tháng giêng, Cảnh khuya...)

2. MÔN TOÁN

2.1 ĐẠI SỐ

§7. ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ $y = ax$ ($a \neq 0$)

1. Đồ thị của hàm số là gì ?

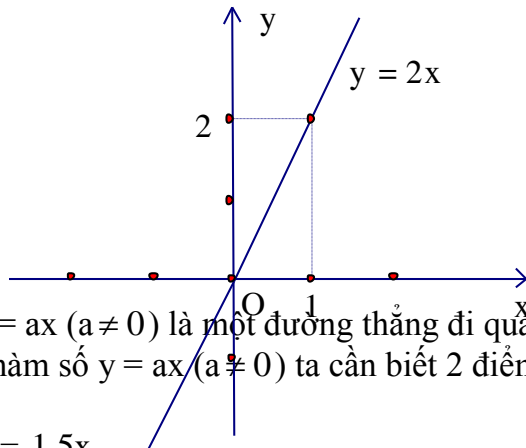
* Đồ thị của hàm số $y = f(x)$ là tập hợp tất cả các các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng $(x; y)$ trên mặt phẳng tọa độ.

2. Đồ thị của hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$)

[?2] $y = 2x$.

a) $(-2, -4); (-1, -2); (0, 0); (1, 2); (2, 4)$

b)

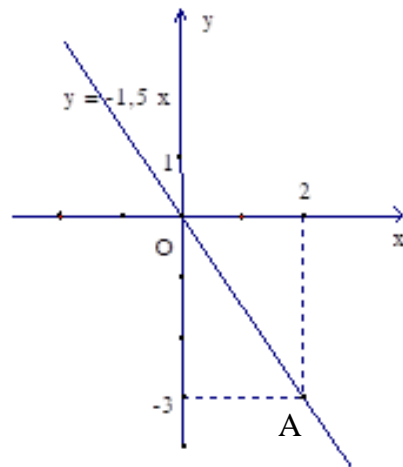


Đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng đi qua gốc tọa độ.

[?3] Để vẽ đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) ta cần biết 2 điểm thuộc đồ thị, đó là điểm $O(0;0)$ và 1 điểm khác O

VD: Vẽ đồ thị: $y = -1,5x$

Cho $x = 2 \Rightarrow y = -3$. Ta được điểm $A(2; -3)$.

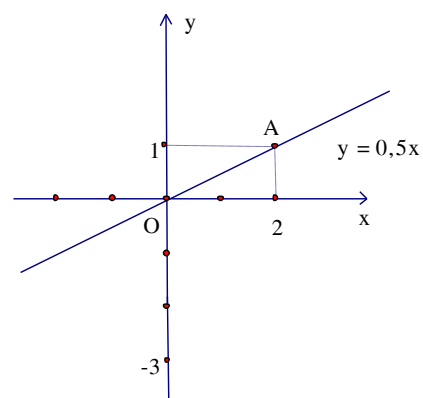


OA là đồ thị hàm số $y = -1,5x$.

LUYỆN TẬP

[?4] Vẽ đồ thị hàm số $y = 0,5x$

Cho $x = 2 \Rightarrow y = 1$. Ta được điểm $A(2, 1)$



OA là đồ thị hàm số $y = x$.

Bài 39/71 sgk: Vẽ đồ thị hàm số

a) $y = x$

c) $y = -2x$

Giải.

a) $y = x$

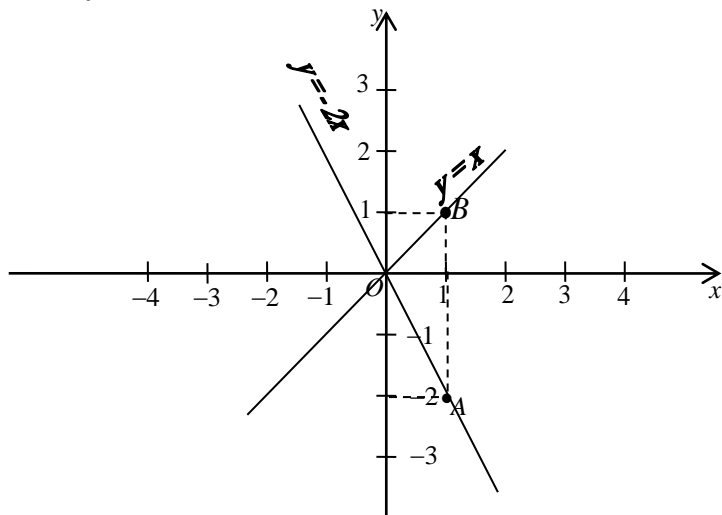
Cho $x = 1 \Rightarrow y = 1$. Ta được điểm $B(1;1)$.

OB là đồ thị hàm số $y = x$.

c) $y = -2x$

Cho $x = 1 \Rightarrow y = -2$. ta được điểm $A(1;-2)$.

OA là đồ thị hàm số $y = -2x$



LUYỆN TẬP Ở NHÀ

-Nắm vững các kết luận và cách vẽ đồ thị $y = ax$ ($a \neq 0$)

-Bài tập về nhà: 39(b,c)/71;43/72SGK

2.2 HÌNH HỌC

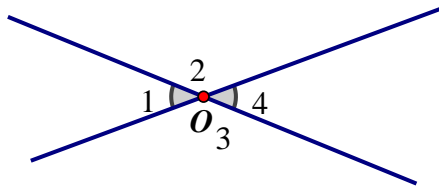
ÔN TẬP HỌC KÌ I

A. NỘI DUNG BÀI HỌC:

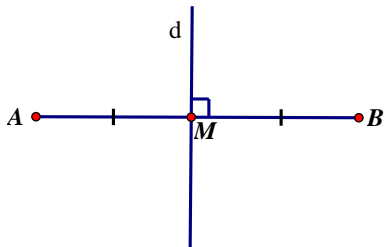
I/ Các kiến thức cần ghi nhớ

- Thế nào là hai góc đối đỉnh, tính chất
- Thế nào là hai đường thẳng vuông góc, thế nào là đường trung trực của đoạn thẳng
- Các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng
- Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song
- Tiên đề Ôclit, tính chất hai đường thẳng song song
- Các tính chất từ vuông góc đến song song
- Định lí, cách chứng minh định lí
- Định lí tổng ba góc của tam giác, góc ngoài của tam giác
- Định nghĩa hai tam giác bằng nhau
- Ba trường hợp bằng nhau của tam giác
- Trường hợp bằng nhau đặc biệt cạnh huyền – góc nhọn của tam giác vuông
- Các bước chứng minh hai cạnh bằng nhau, hai góc bằng nhau, trung điểm, phân giác, vuông góc, song song, thẳng hàng.

Điền vào chỗ trống

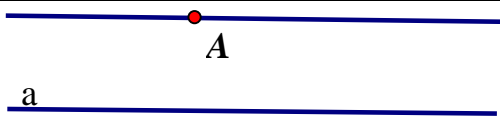


O_1 và O_4 là hai góc..... Khi đó:=.....



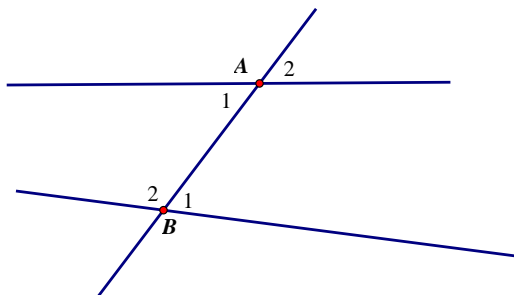
d là đường..... của đoạn thẳng AB \Leftrightarrow

..... và.....

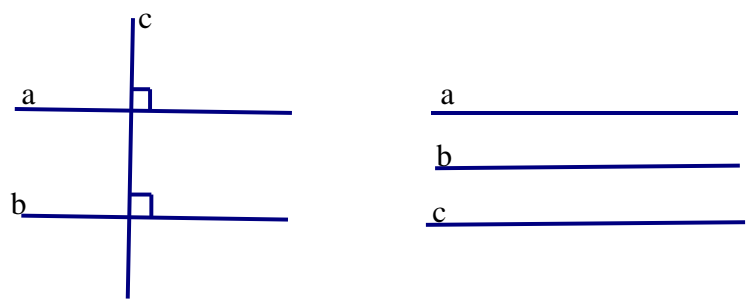


Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng a có

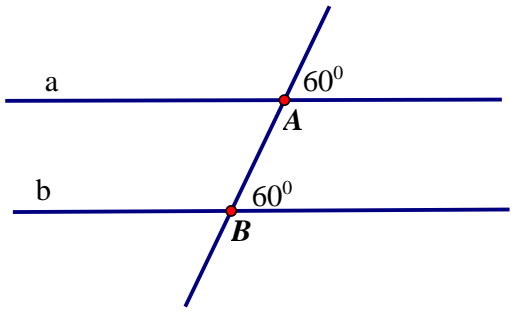
.....



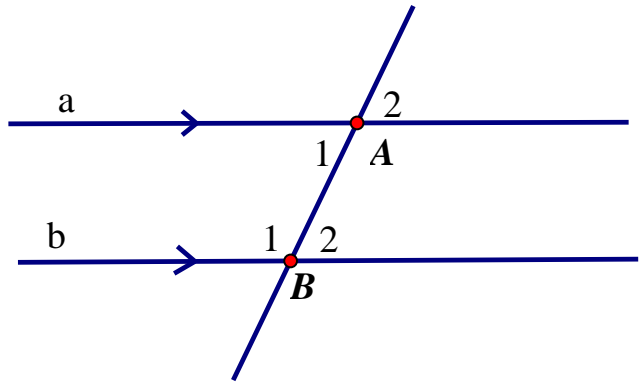
Góc so le trong với A_1 là, Góc đồng vị với A_2 là, Góc trong cùng phía với A_1 là,



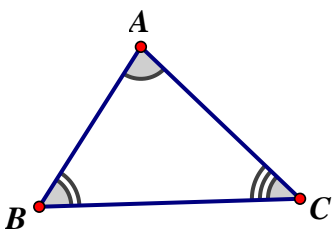
$\begin{cases} a \perp c \\ b \perp c \end{cases} \Rightarrow \dots\dots\dots$
 $\begin{cases} a // b \\ c \perp a \end{cases} \Rightarrow \dots\dots\dots$
 $\begin{cases} a // b \\ b // c \end{cases} \Rightarrow \dots\dots\dots$



$A = \dots\dots$ Mà chúng ở vị trí, nên

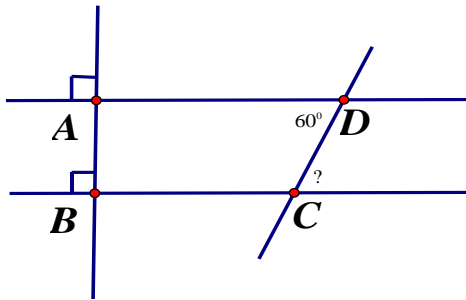


$A_1 = \dots\dots$ (so le trong, $a // b$); $B_2 = A_2$ (....., $a // b$); $B_1 \dots\dots\dots = \dots\dots$ (trong cùng phía $a // b$)



$A + \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots\dots$

II/Bài toán
Bài 1. Cho hình vẽ.



- a) Vì sao $AD // BC$
 b) Tính số đo góc C

Giải.

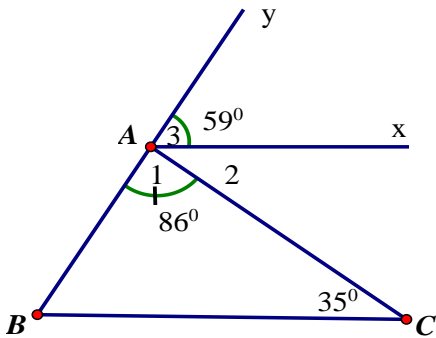
a)

$$\begin{cases} AD \perp AB \\ BC \perp AB \end{cases} \Rightarrow AD // BC$$

- b) $D = C$ (so le trong, $AD // BC$)

$$\Rightarrow C = 60^\circ$$

Bài 2. Cho hình vẽ



- a) Tính B
 b) Ax có song song với BC không? Vì sao
 c) Tính A_2

Giải.

- a) $A_1 + B + C = 180^\circ$ (tổng các góc tam giác ABC)

$$86^\circ + B + 35^\circ = 180^\circ$$

$$B = 180^\circ - 86^\circ - 35^\circ$$

$$B = 59^\circ$$

- b) $B = A_3$ ($59^\circ = 59^\circ$)

Mà chúng ở vị trí đồng vị

$$\Rightarrow Ax // BC$$

- c) $A_2 = C$ (so le trong, $Ax // BC$)

$$\text{Mà } C = 35^\circ$$

$$\Rightarrow A_2 = 35^\circ$$

B. LUYỆN TẬP Ở NHÀ:

- Học bài, xem và hoàn chỉnh bài giải mẫu.

3. MÔN VẬT LÝ

BÀI 14: PHẢN XẠ ÂM – TIẾNG VANG

B. BÀI TẬP

Bài 1: Tại sao khi nói chuyện với nhau ở gần mặt ao, hồ, tiếng nói nghe rất rõ?

Bài 2: Tiếng sét và tia chớp được tạo ra đồng thời, nhưng ta thường nhìn thấy chớp trước khi nghe thấy tiếng sét. Hãy giải thích?

Bài 3: Trong nhiều phòng hòa nhạc, phòng chiếu bóng, phòng ghi âm, người ta thường làm tường sần sùi và treo rèm nhung để làm gì? Giải thích tại sao?

Bài 4: Một người nghe thấy tiếng sét sau tia chớp 5 giây. Hỏi người đó đứng cách nơi xảy ra sét bao xa? Biết vận tốc truyền âm trong không khí là 340 m/s.

Hướng dẫn:

$$t = 5 \text{ giây}$$

$$v = 340 \text{ m/s}$$

$$s = ? \text{ m}$$

Để tính quãng đường âm thanh đi được, dùng công thức $s = v \cdot t$

Quãng đường âm thanh đi được bằng khoảng cách từ người đó đứng đến nơi xảy ra sét.

Bài 5: Giả sử tàu phát ra siêu âm và thu được âm phản xạ của nó từ đáy biển sau 1 giây.

Tính gần đúng độ sâu của đáy biển, biết vận tốc truyền siêu âm trong nước là 1500 m/s.

Hướng dẫn:

$$t = 1 \text{ giây}$$

$$v = 1500 \text{ m/s}$$

$$d = ? \text{ m}$$

Để tính quãng đường âm thanh đi được, dùng công thức $s = v \cdot t$

Để tính độ sâu đáy biển, dùng công thức $d = s : 2$

Bài 6: Giả sử tàu phát ra siêu âm và thu được âm phản xạ của nó từ đáy biển sau 4 giây.

Tính gần đúng độ sâu của đáy biển, biết vận tốc truyền siêu âm trong nước là 1500 m/s.

Dặn dò: Học bài, làm bài vào tập.

4. MÔN LỊCH SỬ

Tiết 31

Bài 16: SỰ SUY SỤP CỦA NHÀ TRẦN CUỐI THẾ KỈ XIV II. NHÀ HỒ VÀ CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY (Tiết 2)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

1. Nhà Hồ thành lập:

- Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần suy yếu, xã hội khủng hoảng sâu sắc, nhà Trần không đủ sức để quản lí đất nước.
- Năm 1400, Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần lập ra nhà Hồ, đổi quốc hiệu là Đại Ngu.

2. Những biện pháp cải cách của Hồ Quý Ly:

- **Chính trị:** Cải tổ hàng ngũ võ quan, đổi tên một số đơn vị hành chính, quy định cách làm việc của bộ máy chính quyền
- **Kinh tế, tài chính:** Phát hành tiền giấy, ban hành chính sách hạn điền, qui định lại thuế đinh, thuế ruộng đất.
- **Xã hội:** Ban hành chính sách hạn nô.
- **Văn hóa, giáo dục:** Đề cao chữ Nôm, sửa đổi chế độ thi cử, học tập
- **Quốc phòng:** Tăng quân số, chế tạo súng mới, xây thành kiên cố,..

3. Tác dụng, ý nghĩa, hạn chế của cải cách Hồ Quý Ly:

a. **Ý nghĩa:** Đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

a. **Tác dụng:** Hạn chế sự tập trung ruộng đất vào tay quý tộc địa chủ. Làm suy yếu thế lực họ Trần, tăng cường quyền lực nhà nước. Tăng nguồn thu nhập cho nhà nước.

b. **Hạn chế:** Các chính sách đó chưa triệt để, chưa phù hợp với tình hình thực tế, chưa hợp lòng dân

B. LUYỆN TẬP

Câu 1: Những cải cách của Hồ Quý Ly có ý nghĩa, tác dụng như thế nào? Chính sách còn tồn đọng những hạn chế gì?

Tiết 32

LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

CHƯƠNG II: VÙNG ĐẤT SÀI GÒN TỪ KHI HÌNH THÀNH ĐẾN THẾ KỈ XIX

Bài 2: BUỔI ĐẦU KHAI PHÁ VÙNG ĐẤT SÀI GÒN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

1. Vùng đất Sài Gòn từ buổi bình minh lịch sử đến thế kỉ XV

- Từ khoảng thiên niên kỷ thứ II TCN, con người đã có mặt ở vùng đất thuộc Thành Phố Hồ Chí Minh ngày nay.

- Vào những thế kỉ đầu công nguyên, vùng đất Sài Gòn thuộc lãnh thổ vương quốc Phù Nam, chủ nhân của nền văn hóa Óc Eo.

2. Quá trình người Việt đi khai hoang:

- Vào thế kỉ XV – XVI do chiến tranh phong kiến, bị sưu cao thuế nặng, đói kém mất mùa, một bộ phận người Việt đi về phương Nam kiếm sống.

- Vùng đất mới vốn là rừng rậm, xen lẫn kênh rạch, đầy thú dữ. Để có đất sinh sống người Việt phải phá rừng đánh đuổi các loài thú dữ trên cạn để cày cấy. Họ đốt cây, cỏ thành tro đơi mưa xuống để trồng lúa và các loại hoa màu khác.

→ Những người khai hoang đã hợp sức với nhau chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên.

B. LUYỆN TẬP

Câu 1: Vùng đất Sài Gòn trước thế kỉ XVI có những đặc điểm gì?

C. DẶN DÒ:

- HS ghi chép nội dung bài học.
- HS hoàn thành các câu hỏi luyện tập.
- Xem và đọc trước nội dung bài học trong SGK.

5. ĐỊA LÝ

Chủ đề 5: CHÂU PHI (tiếp theo)

III. KINH TẾ CHÂU PHI:

* Đặc điểm chung:

-Phần lớn các quốc gia có kinh tế lạc hậu, chỉ chú trọng trồng cây công nghiệp nhiệt đới và khai thác khoáng sản để xuất khẩu.

-Một số nước tương đối phát triển là CH Nam Phi, Li-bi, An-giê-ri, Ai Cập.

1- Nông nghiệp

a. Ngành trồng trọt:

-Cây công nghiệp (cà phê, ca cao, bông, lạc, cọ dầu...) phát triển theo hướng xuất khẩu.

- Cây lương thực (lúa mì, ngô, kê...) chiếm tỉ trọng nhỏ, sản lượng không đáp ứng đủ nhu cầu.

b. Ngành chăn nuôi : Kém phát triển, chăn thả phổ biến, phụ thuộc vào tự nhiên.

2 - Công nghiệp

-Phần lớn các nước có nền công nghiệp chậm phát triển.

-Khai thác khoáng sản để xuất khẩu có vai trò quan trọng.

3- Dịch vụ:

- Hoạt động kinh tế đối ngoại tương đối đơn giản: xuất khẩu nông sản(cây CN) và khoáng sản; nhập khẩu máy móc, lương thực...

4- Đô thị hoá: Xem SGK

B. LUYỆN TẬP:

Quan sát hình 31.1 và 29.1, cho biết:

1/ Tên một số cảng lớn ở Châu Phi?

2/ Châu Phi có bao nhiêu đô thị trên 1 triệu dân? Nêu tên các đô thị có trên 5 triệu dân ở Châu Phi?

* Dặn dò:

- Xem lại các chủ đề 4 và 5, bài 25 chuẩn bị ôn tập kiểm tra cuối HKI

- Chuẩn bị Tập bản đồ Địa Lý 7: trả lời câu hỏi cuối trang 10,11,13

6. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Tiết 16_ Bài 9: XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HÓA (Tiết 2)

LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Gia đình văn hóa là gì ?

- Gia đình hoà thuận, hạnh phúc, tiến bộ;
- Thực hiện kế hoạch hóa gia đình;
- Đoàn kết với xóm giềng;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

2. Những việc cần làm để xây dựng gia đình văn hoá:

- Thực hiện tốt bổn phận, trách nhiệm;
- Sống giản dị, lành mạnh;
- Không sa vào tệ nạn xã hội.
- Chăm ngoan học giỏi
- Kính trọng giúp đỡ ông bà cha mẹ
- Thương yêu anh chị em
- Không làm điều gì tổn hại đến danh dự gia đình.

B . LUYỆN TẬP :

Câu 1: Em hãy trình bày khái niệm gia đình văn hóa?. Em hãy kể tên những việc của gia đình mà em có thể tham gia?

Hướng dẫn: - Học khái niệm phần nội dung bài học.

- Em hãy liên hệ bản thân mình và kể về những việc em đã làm để giúp ba mẹ, ông bà góp phần xây dựng gia đình mình hạnh phúc, tiến bộ.

Câu 2: Em đồng ý với những việc làm nào sau đây. Chọn 1 ý đúng và giải thích tại sao.

- a) Việc nhà là việc của mẹ và con gái.
- b) Trong gia đình nhất thiết phải có con trai.
- c) Con cái có thể tham gia các công việc của gia đình.
- d) Gia đình có nhiều con là gia đình hạnh phúc.

Em đồng ý với những việc làm: c, d.

Câu c: Công việc của gia đình là công việc chung của các thành viên trong gia đình . Mọi người cần biết san sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau bàn bạc, thảo luận những vấn đề chung theo khả năng của mình để giúp gia đình tốt hơn, văn minh, hạnh phúc...

C . DẶN DÒ :

- Học phần nội dung (Mục 1, 2)
- Xem trước bài 10: Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ/sgk/ 30.

7. MÔN TIẾNG ANH

NỘI DUNG TRONG TÂM

LÝ THUYẾT (Phần ghi bài): ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1

Từ vựng và cấu trúc từ

➤ Vocabulary: review from unit 1-unit 7 (B1)

➤ Grammar: review

1. Các thì trong Tiếng Anh

1.1. The simple present tense: (Thì hiện tại đơn)

a. To be: am/ is/ are:

(+) S + am/ is/ are ...

Ex: She (be) ...is..... a student.

(-) S + am/ is/ are + not...

(?) Am/ Is/ Are + S + ...

b. Ordinary Verbs

(+) S + V s/ es ...

(-) S + do/ does + not + verb- inf.

(?) Do/ Does + S + Verb (bare - inf) ...?.

Ex: **Do** you **go** to school?

* Trong câu thường có các trạng từ: always , usually , often , sometimes , never , every ...

1.2. The present progressive tense (Thì hiện tại tiếp diễn)

(+) S + am/ is/ are + V - ing ...

(-) S + am/ is/ are + not + V - ing ...

(?) Am/ Is/ Are + S + V - ing ...?

Ex: I **am listening** to music now.

* Trong câu thường có các trạng từ ở cuối câu: Now, at present, at the moment, right now, at this time ...và Look!, Listen!, Be careful!, Be quiet!,ở đầu câu.

1.3. The simple future tense (Thì tương lai đơn)

(+) S + will/ shall + V (bare - inf) ...

(-) S + won't/ shan't + V (bare - inf) ...

(?) Will/ Shall + S + V (bare - inf)...?

Yes, S + will/ shall. No, S + won't/ shan't.

Ex: I **will visit** Hue next month.

* Trong câu thường có các trạng từ: soon, tomorrow, tonight, next week / month / year ... one day, ...

2. Comparison of adjectives (So sánh của tính từ)

2.1. Comparative: (So sánh hơn)

- Short adjs: Adj.- er + than

- Long adjs: More + adj. + than

2.2. Superlatives: (So sánh nhất)

- Short adjs: The + adj + est ...

- Long adjs: The most + adj...

3. Exclamatory sentence (Câu cảm thán)

+ What + a/ an + adj + N (số ít)!

Ex: What a dirty room!

+ What + adj + N (số nhiều)!

Ex: What beautiful pictures!

+ What + adj + N (không đếm được)!

Ex: What sour milk!

- Bỏ "very, too, so, fairly, extremely, quite" nếu có.

4. Hỏi và trả lời về khoảng cách:

Q: How far is it from..... to...?

A: It's (about) + khoảng cách.

5. Hỏi và trả lời về phương tiện:

How + do/ does + S + V (bare – inf)...?

S + V +... + by + phương tiện/ (on foot)

6. Hỏi và trả lời về nơi chốn:

Where + do/ does + S + V (bare – inf)...?

S + V +...+ nơi chốn.

7. Hỏi và trả lời về lý do:

Why + do/ does + S + V (bare – inf)...?

S + V +... because + S + V + lý do.

8. Hỏi và trả lời về tính thường xuyên:

How often + do/ does + S + V – inf...?

S + adv. + V.....

* Trong câu thường có: Once, twice, three times a week,...., every ,...

9. Hỏi và trả lời về thời gian:

* Hỏi giờ: What time is it ? = What 's the time ?

• Giờ đúng: It's + giờ + o'clock.

• Giờ hơn: It's + giờ + phút/ It's + phút + past +giờ.

• Giờ kém: It's + giờ + phút/ It's + phút + to + giờ

* Hỏi giờ của các hành động: What time + do/ does + S + V – inf...?

S + V(s/es) + at + giờ.

10. Hỏi và trả lời về số lượng:

Q1: How many + N (số nhiều) + do/ does + S + V– inf...?.

Q2: How many + N (số nhiều) + are there +..... -?

A: There is/ are + số đếm + N(s)

S + V + số đếm + N(s)

11. Hỏi và trả lời về đồ vật, nghề nghiệp, môn học, trò chơi:

What (subject/ class/ sport/...) + do/ does + S + V...?

S + V...

12. Hỏi và trả lời về giá cả:

How much + do/ does + N(s) + cost? = How much + is it?/ How much are they ?

N(s) + cost(s) + số tiền = It is + giá tiền/ They are + giá tiền

13. Hỏi về thời gian:

When + do/ does + S + V (bare – inf)...?

S + V(s/es) +... (on + thứ/ in + tháng, năm)

14. Trạng từ thường xuyên:

always, usually, often, sometimes never... đứng trước động từ thường, đứng sau động từ tobe

15. Would you like + to – inf/ Noun...?

16. Is there a/ an...? Are there any...?

17. Prepositions: under, near, next to, behind, between, opposite, in front of...

18. What about/ How about + V – ing...? = Why don't we +V-inf...?

19. Let's + V–inf ? = Shall we + V– inf....?

20. I'd like + to – inf = I want + to – inf...

21. Enjoy + V- ing = Like + V- ing/ to- inf...

22. Should + V- inf. = Ought to + V- inf

23. Tính từ ghép (Compound adjectives):

Number - sing. N = Compound adjective.

Ex: A **3 - month** summer vacation.

24. Comparison of Nouns (So sánh của danh từ)

- So sánh nhiều hơn của danh từ đếm được: S1 + V(s/es) + more + Ns + than + S2

Ex: He works more hours than his wife.

- So sánh nhiều hơn của danh từ không đếm được: S + V(s/es) + more + uncount.N + than + S2

Ex: Lan drinks more tea than Ba.

- So sánh ít hơn của danh từ đếm được: S + V(s/es) + fewer + N s + than + S2

Ex: His wife works fewer hours than he.

- So sánh ít hơn của danh từ không đếm được: S + V(s/es) + less + N + than + S2.

Ex: I drink less tea than Lan.

BÀI TẬP:

I. Choose the word that has the underlined parts pronounced differently from the others (1p)

1. A. read B. teacher C. eat D. ahead
2. A. hour B. house C. help D. home
3. A. thing B. math C. their D. theater
4. A. bookstore B. noisy C. street D. history

II. Choose the word or phrase which best completes each sentence (2,5p):

- 1..... are you doing?
A. What B. Who C. When D. Where
2. Children should to bed early.
A. to go B. go C. going D. went
3. don't you come to my house? - OK. Let's go.
A. What B. Let's C. Why D. When
4. Mr Tuan has days off than Mr. Jones
A. many B. less C. fewer D. little
5. Tom enjoys soccer.
A. plays B. to play C. play D. playing
6. Nga is a play for the school anniversary celebration.
A. making B. rehearsing C. practicing D. playing
7. What about Ha Long Bay?
A. to visit B. visit C. visiting D. visited
8. there a post office near here?
A. Is B. Are C. Does D. Do
9. Would you like badminton?
A. play B. playing C. to play D. to playing
10. The souvenir shop is the bookstore and the hotel.
A. opposite B. near C. next to D. between

III. Give the correct forms of the verbs in brackets. (2,5p):

1. Minh usually (play).....volleyball after school.
2. Now She (play).....badminton in the sports ground.
3. Next year, my sister (be).....a teacher.
4. You (go).....swimming every afternoon?
5. Students should (review)..... their work before tests.

IV. Reorder the given words to make meaningful sentences. (1,5ps)

1. is/ park/ near/ house/your/ there/ a?
2. tell/ you/ could/ me/ to/ the/ how/ to/ get/ souvenir shop?
3. it/ is/ how much/ to/ America/ mail/ to/ letter/ a.
4. she/ to/ like/ buy/ would/ postcards/ some.
5. take/ how long/ it/ to / Ha Noi/ does/ get/ to/ plane/ by?
6. Minh/an /in/ brother/with/ a/apartment/his/in/ town/ lives

V. Read and answer the following questions. (2,5ps)

From about nine in the morning until four in the afternoon, Mr. Hai works in the fields with his brother. They grow some rice, but their main crop is vegetables. From 12 to 1 o'clock, Mr. Hai rests and eats lunch.

At four in the afternoon, they come back home. Mr. Hai feeds the animals again. Then he cleans the buffalo shed and the chicken coop. His work usually finishes at six.

1. Where does Mr. Hai work from nine in the morning until four in the afternoon? Who does he work with?
2. What do they grow?
3. What does Mr. Hai do from twelve to one o'clock?
4. What time do they come back home?
5. What time does his work usually finish?

8. MÔN ÂM NHẠC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

- Ôn tập bài hát: Khúc hát chim sơn ca
- Tập đọc nhạc: TĐN số 5
- Âm nhạc thường thức: Giới thiệu nhạc sĩ Beethoven

1. Ôn tập bài hát: Khúc hát chim sơn ca:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời bài hát Khúc hát chim sơn ca
- Tập trình bày bài hát có tình cảm

2. Tập đọc nhạc: TĐN số 5 :

Hãy trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài sau:

CÂU HỎI TÌM HIỂU BÀI:

1. Bài TĐN 4 viết ở nhịp gì?
2. Nốt nhạc nào cao nhất và nốt nhạc nào thấp nhất trong bài?
3. Những hình nốt nào có trong bài?
4. Trong bài có kí hiệu âm nhạc nào?
5. Bài TĐN chia làm mấy câu?

3. Âm nhạc thường thức:

a. Giới thiệu nhạc sĩ Beethoven:

Ludwig van Beethoven (1770-1827) là một nhà soạn nhạc cổ điển người Đức.

Ông được khắp thế giới công nhận là nhà soạn nhạc vĩ đại, nổi tiếng và có ảnh hưởng nhất tới rất nhiều những nhà soạn nhạc, nhạc sĩ và khán giả về sau.

Thầy dạy nhạc đầu tiên cho Beethoven là cha ông-vốn rất ngưỡng mộ Mozart - người mới 5 tuổi đã là một nhà soạn nhạc nên ông được tập đàn từ lúc ba tuổi. Tuy nhiên, sự kỷ luật nghiêm ngặt của bố ông bị ép đánh đàn suốt ngày đến nỗi ngón tay bị tê dại, sưng vù.

Năm 11 tuổi, theo quyết định của cha, ông phải nghỉ học để tập trung vào âm nhạc.

Vào khoảng 5 tuổi ông bị chứng viêm tai giữa nhưng không được điều trị nên đến năm 1819 thì ông điếc hoàn toàn nên ông không còn trình diễn đàn và chỉ huy dàn nhạc được nữa.

Năm Beethoven 11 tuổi, ông đã biểu diễn như một nghệ sĩ piano điêu luyện tại Hà Lan.

Năm 12 tuổi tác phẩm đầu tiên của ông đã được xuất bản

Cho đến khi mất, ông đã sáng tác hàng trăm tác phẩm với nhiều thể loại khác nhau trong đó có 9 bản giao hưởng, 32 bản sonate

Tác phẩm nổi tiếng: Giao hưởng số 3, số 5, số 6, số 9 và sonate số 8, số 14, số 23

B. LUYỆN TẬP:

- Tập hát diễn cảm bài hát Khúc hát chim sơn ca
- Tập đọc nốt và giai điệu bài TĐN số 5, ghép lời bài đọc
- Tìm hiểu thêm về nhạc sĩ Beethoven

9. MÔN MỸ THUẬT

BÀI 8 : TRANG TRÍ ĐỒ VẬT CÓ DẠNG HÌNH CHỮ NHẬT (TIẾT 2)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Học sinh xem lại phần kiến thức đã học trong Bài 8 tiết 1.

B. LUYỆN TẬP:

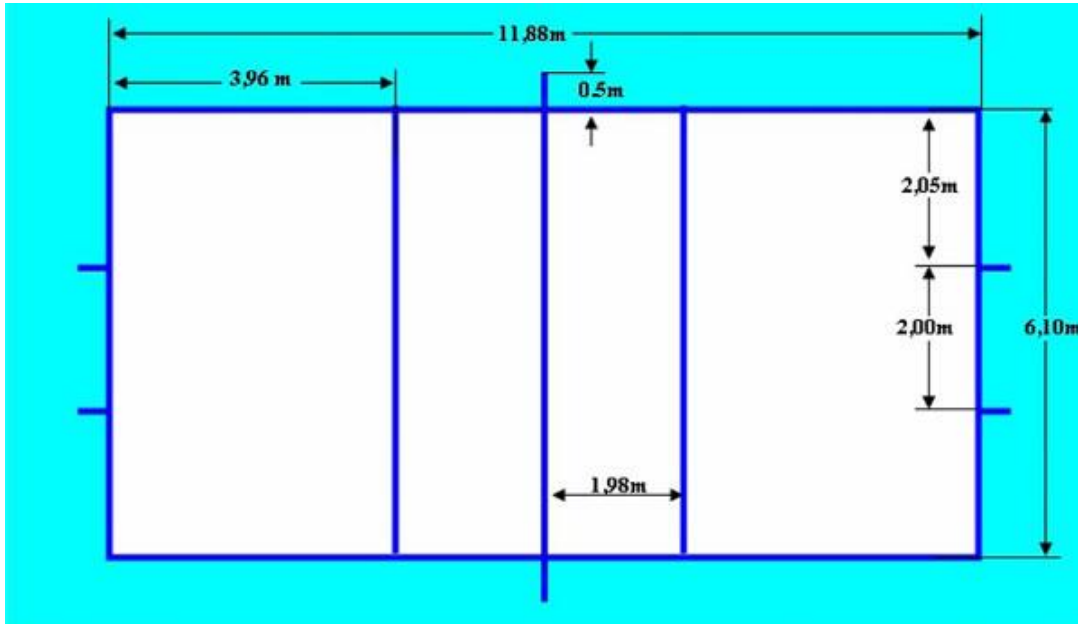
Học sinh hoàn thành bài vẽ “Trang trí đồ vật có dạng hình chữ nhật”.

10. MÔN THỂ DỤC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Đá cầu:

1. **Ôn tập:** Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.
2. **Học mới:** Các điều Luật cơ bản trong môn đá cầu.
 - **SÂN:** Sân thi đấu là một hình chữ nhật có chiều dài 11,88m, chiều rộng 6,10m tính đến mép ngoài của đường giới hạn. Sân thi đấu không bị vật cản trong khoảng chiều cao 8m tính từ mặt sân.



- **LƯỚI:** Lưới rộng 0,75 mét, dài tối thiểu là 7,10m. Chiều cao của lưới:
 - Chiều cao của lưới đối với nữ và nữ trẻ: 1,50m.
 - Chiều cao của lưới đối với nam và nam trẻ: 1,60m.
 - Chiều cao của lưới đối với thiếu niên: 1,40m.
 - Chiều cao của lưới đối với nhi đồng: 1,30m.
 - Độ võng của lưới ở giữa sân không quá 2cm.
- **QUẢ CẦU:** Cầu đá Việt Nam 202.
 - Chiều cao 0,131m, rộng 0,06m.
 - Trọng lượng 14gam (+, -1).
- **ĐẤU THỦ:**
 - Trận đấu đơn diễn ra giữa 2 đội, mỗi đội có một đấu thủ.
 - Trận đấu đôi diễn ra giữa 2 đội, mỗi đội có hai đấu thủ.
 - Trận đấu đội diễn ra giữa 2 đội, mỗi đội có ba đấu thủ.
 - Trận đấu đồng đội diễn ra giữa 2 đội, mỗi đội có tối đa 9 đấu thủ và tối thiểu 6 đấu thủ. Thi đấu theo thứ tự: đơn, đôi, đội, đôi và đơn.
 - Mỗi đấu thủ chỉ được phép thi đấu không quá 2 nội dung trong nội dung đồng đội (kể cả nội dung 3 đấu thủ).

- **TRANG PHỤC:**
 - Đấu thủ phải mặc quần áo thi đấu thể thao và đi giày thể thao hoặc giày chuyên dụng của Đá cầu. Trang phục của đấu thủ được coi là một phần của cơ thể đấu thủ, áo phải bỏ trong quần.
 - Áo của đấu thủ phải có số sau lưng và phía trước. Mỗi đấu thủ phải đeo một số áo cố định trong suốt giải. Mỗi đấu thủ được quyền sử dụng một số trong các số từ 1 - 15. Chiều cao tối thiểu của số ở sau lưng là 20cm và ở đằng trước là 10cm.
 - Trong thi đấu đôi và thi đấu 3 đấu thủ, các đấu thủ cùng 1 đội phải mặc trang phục thi đấu có cùng màu sắc và giống nhau (đồng phục).
- **THAY NGƯỜI:** Được phép thay đấu thủ ở bất cứ thời điểm nào (được thay 3 đấu thủ trong 1 hiệp), theo yêu cầu của lãnh đội hoặc đội trưởng của mỗi đội với trọng tài chính khi cầu dừng. Mỗi đội được đăng ký 3 đấu thủ dự bị ở nội dung đội, còn các nội dung đơn, đôi không có đấu thủ dự bị.
- **BẤT LỖI:**
 - ✓ Lỗi khi phát cầu:
 - + Khi giẫm chân vào đường biên ngang hay đường giới hạn khu vực phát cầu sẽ tính là lỗi phát cầu.
 - + Phát cầu không qua lưới hoặc qua nhưng chạm lưới.
 - + Cầu phát chạm vào đồng đội hoặc bất cứ vật gì trước khi bay sang phần sân đối phương.
 - + Phát cầu bị bay ra ngoài sân đấu.
 - + 5 giây là thời gian tối đa mà cầu thủ cần phải phát cầu khi có ký hiệu của trọng tài.
 - + Phát cầu sai thứ tự khi thi đấu.
 - ✓ Lỗi của bên đỡ cầu:
 - + Mọi hành vi làm bên phát mất tập trung, bằng hành động hay lời nói đều bị tính là lỗi của bên đỡ cầu.
 - + Đặt chân vào phần giới hạn hay vượt qua phần giới hạn khi đối phương phát cầu.
 - + Đỡ cầu bị dính hay lăn trên bất kỳ vị trí nào của cơ thể.
 - ✓ Lỗi chung:
 - + Chạm vào cầu khi cầu đang trong phạm vi phần sân của đối phương.
 - + Để cầu chạm vào vị trí cánh tay.
 - + Dừng hay giữ cầu dưới cánh tay, giữa hai chân hoặc trên người
 - + Cầu chạm vào bất cứ vận cụ nào ngoài sân cầu như, trần nhà....

- + Cầu thủ chạm cầu quá 2 lần trong nội dung đấu đơn.
- **CÁCH TÍNH ĐIỂM:**
 - + Nếu một bên giao cầu lỗi bên còn lại sẽ được tính điểm đồng thời dành quyền giao cầu.
 - + Điểm thắng của hiệp đấu là 21, trừ trường hợp hoà 20 – 20, sẽ phát cầu luân lưu đến khi một bên cách biệt 2 điểm thì hiệp đấu đó kết thúc (điểm tối đa của hiệp đấu là 25).
 - + Trong một trận thi đấu đá cầu sẽ chia làm 2 hiệp và giữa 2 hiệp đấu là 2 phút giải lao.
 - + Trong hiệp 3, khi một bên dẫn điểm tới 8 sẽ thực hiện đôi sân đấu.
 - + Trong trường hợp mỗi đội dành chiến thắng trong một hiệp thì sẽ thi đấu hiệp 3 để phân định thắng thua, điểm của hiệp 3 là 15 và nếu có tỉ số 14-14 thì sẽ có phát cầu luân lưu cho đến khi có cách biệt 2 điểm, mức điểm MAX của hiệp này là 17 điểm.

B. LUYỆN TẬP:

1. Ôn tập kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.
2. Đọc hiểu và ghi nhớ một số điều Luật cơ bản trong thi đấu đá cầu.
3. Học sinh tự ôn tập nội dung **Bài thể dục phát triển chung** để kiểm tra đánh giá cuối học kỳ I.

11. MÔN TIN HỌC

Bài Thực Hành 5: TRÌNH BÀY TRANG TÍNH CỦA EM (TT)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

* Học sinh thực hành trên máy tính:

- Bài 2: SGK trang 55

B. LUYỆN TẬP:

2./ Chèn thêm hoặc xoá cột và hàng:

a./ Chèn thêm cột hoặc hàng:

*Chèn thêm cột:

- B1: Nháy chuột chọn một cột

- B2: Chọn lệnh Insert trong nhóm Cells trên dải lệnh Home

*Chèn thêm hàng:

- B1: Nháy chuột chọn một hàng

- B2: Chọn lệnh Insert trong nhóm Cells trên dải lệnh Home

b./ Xoá cột hoặc hàng:

*Xoá cột:

- B1: Chọn các cột cần xoá

- B2: Chọn lệnh Delete trong nhóm Cells (dãy lệnh Home)

*Xoá hàng:

- B1: Chọn các hàng cần xoá

- B2: Chọn lệnh Delete trong nhóm Cells (dãy lệnh Home)

12. MÔN SINH HỌC

CHƯƠNG 6: NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG

Chủ đề: Các lớp Cá.

Thực hành: Mổ cá

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Yêu cầu (SGK Sinh 7 trang 106)

II. Chuẩn bị (SGK Sinh 7 trang 106)

III. Nội dung (SGK Sinh 7 trang 106)

1. Cách mổ

2. Quan sát cấu tạo trên mẫu mổ

B. LUYỆN TẬP:

- Nhận xét về 1 cơ quan của cá.

C. DẪN DÒ:

Học sinh:

- Đọc mục em có biết.

- Đọc trước bài 34 SGK sinh 7.

CHƯƠNG 6: NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG

Chủ đề: Các lớp Cá.

Đa dạng và đặc điểm chung của các lớp cá

D. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Đa dạng về thành phần loài và môi trường sống:

- Có khoảng 2415 loài.

- Chia làm 2 lớp chính:

+ **Lớp cá sụn:** bộ xương làm bằng chất sụn.

+ **Lớp cá xương:** bộ xương làm bằng chất xương.

Do điều kiện sống khác nhau ảnh hưởng đến cấu tạo và tập tính của cá.

Học khung xanh SGK tr 111.

II. **Đặc điểm chung (Học sinh tự đọc)**

- Cá là động vật có xương sống, thích nghi với đời sống hoàn toàn dưới nước.

- Hô hấp bằng mang, bơi bằng vây.

- Cá có tim 2 ngăn chứa máu đỏ thẫm, 1 vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

- Thụ tinh ngoài.

- Là động vật biến nhiệt.

III. **Vai trò của cá:**

- Cung cấp thực phẩm.

- Nguyên liệu chế thuốc chữa bệnh.

- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.

- Diệt bọ gậy, sâu bọ có hại lúa.

E. LUYỆN TẬP:

- **Câu 1:** Cho những ví dụ nêu ảnh hưởng của điều kiện sống khác nhau đến cấu tạo cơ thể và tập tính của Cá?

- **Câu 2:** Nêu đặc điểm phân biệt Cá sụn và Cá xương?

- **Câu 3:** Vai trò của cá trong đời sống con người?

F. DẶN DÒ:

Học sinh:

- Học thuộc bài ghi, làm bài tập.
- Đọc mục em có biết.
- Ôn tập lại kiến thức đã học chuẩn bị làm bài thi học kì I.

13. MÔN CÔNG NGHỆ

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI

2021- 2022

1. Trồng trọt có vai trò gì trong đời sống và nền kinh tế nước ta?

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- Cung cấp nông sản để xuất khẩu.

2. Thế nào là đất trồng và đất trồng có nhiệm vụ gì đối với cây trồng?

a. Đất trồng là gì?

- Đất trồng là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó cây trồng có thể sinh sống và sản xuất ra sản phẩm

b. Vai trò của đất trồng

- Đất trồng là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, ôxi cho cây và giữ cho cây đứng vững.

3. Kể tên các thành phần của đất trồng và vai trò của nó đối với cây trồng?

Đất trồng gồm 3 thành phần chính: phần rắn, phần khí, phần lỏng.

- Phần khí (Nitơ, oxi, cacbonic): cung cấp oxi cho cây.
- Phần rắn(gồm thành phần vô cơ, và hữu cơ): cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.
- Phần lỏng (nước): cung cấp nước cho cây.

4. Dựa vào thời kỳ bón phân, có mấy cách bón? Dựa vào hình thức bón phân, có mấy cách bón?

- Dựa vào thời kỳ bón có: bón lót và bón thúc
- Dựa vào hình thức bón có: bón vãi, bón theo hàng, bón theo hốc, phun trên lá

5. Trình bày vai trò của giống cây trồng trong trồng trọt?

Sử dụng giống cây trồng mới, năng suất cao có tác dụng:

- Tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.
- Tăng vụ
- Thay đổi cơ cấu cây trồng

6. Dựa vào thành phần cơ giới của đất chia đất thành mấy loại. Kể tên?

- Dựa vào thành phần cơ giới của đất chia đất thành 3 loại: đất thịt, đất cát và đất sét.

7. Dựa vào độ pH của đất chia đất thành mấy loại. Kể tên?

- Dựa vào độ pH của đất chia đất thành 3 loại: đất chua(đất phèn), đất kiềm và đất trung tính.

8. Phạm vi áp dụng của sản xuất giống cây trồng bằng hạt? Phạm vi áp dụng của sản xuất giống cây trồng bằng nhân giống vô tính?

- Phạm vi áp dụng của sản xuất giống cây trồng bằng hạt là: cây ngũ cốc, cây họ đậu, cây lấy hạt
- Phạm vi áp dụng của sản xuất giống cây trồng bằng nhân giống vô tính là: cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh.
- Các phương pháp sản xuất giống cây trồng bằng nhân giống vô tính thường gặp là: giâm cành, chiết cành, ghép mắt.

9. Kể tên những loại đất cần được cải tạo và các biện pháp để cải tạo những loại đất đó?

- Những loại đất cần được cải tạo là: đất xám bạc màu, đất chua (đất phèn), đất mặn.
- Các biện pháp cải tạo là: canh tác, thủy lợi và bón phân (hoặc bón vôi).

10. Kể tên các biện pháp chọn tạo giống cây trồng mà em biết?

- Phương pháp chọn lọc.
- Phương pháp lai.
- Phương pháp nuôi cấy mô.
- Phương pháp gây đột biến.

11. Tác hại của sâu, bệnh đối với cây trồng:

- Ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng
- Giảm năng suất, chất lượng nông sản

12. Một số dấu hiệu khi cây trồng bị sâu bệnh phá hại:

Biến đổi về màu sắc, hình thái, cấu tạo các bộ phận của cây

13. Nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh hại:

- Phòng là chính
- Trừ sớm, trừ kịp thời, nhanh chóng, triệt để
- Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ

14. Làm đất nhằm mục đích gì ?

Làm đất có tác dụng làm cho đất tơi xốp, bằng phẳng, diệt cỏ dại, mầm mống sâu bệnh và cải tạo đất

15. Kể tên các công việc làm đất ?

- Cày đất
- Bừa và đập đất
- Lên luống

16. Kể tên các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại mà em biết?

- Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu, bệnh.
- Biện pháp thủ công.
- Biện pháp hóa học .
- Biện pháp sinh học.
- Biện pháp kiểm dịch thực vật.

17. Sắp xếp các loại phân bón sau vào nhóm thích hợp?

cây điền thanh, phân trâu(bò), supe lân, phân DAP (phân bón chứa N.P), phân lợn, cây muồng muồng, phân NPK, phân Nitragin(chứa vi sinh vật chuyển hóa đạm), bèo dậu, khô dậu đậu nành, phân Urê, khô dậu dừ.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ**Họ và tên HS:** **Lớp:** 7/.....

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, nội dung cần hướng dẫn thêm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập và gửi lại cho nhà trường (thông qua bộ phận điều phối tài liệu/giáo viên chủ nhiệm).

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Lịch sử		
5	Địa lý		
6	GDCD		
7	Tiếng Anh		
8	Âm nhạc		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
11	Tin học		
12	Sinh học		
13	Công nghệ		